

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA CƠ ĐIỆN-Ô TÔ
BỘ MÔN CNKT Ô TÔ



TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG NGÀNH Ô TÔ

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2023

LỜI MỞ ĐẦU

Hằng ngày, chúng ta dành ít nhất tám tiếng trong ngày để lao động và sản xuất. Đây là một phần quan trọng của cuộc sống, nhưng cũng là một thách thức đối với sức khỏe và an toàn của chúng ta. Làm việc trong môi trường lao động có thể tiềm ẩn nhiều mối nguy hại, và việc tiếp xúc thường xuyên với chúng có thể gây ra nhiều vấn đề sức khỏe nếu không được đảm bảo an toàn.

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo nghề nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động kỹ thuật và hội nhập, chúng tôi đã biên soạn giáo trình này với mục tiêu giúp bạn học viên nắm vững kiến thức cơ bản và kỹ năng liên quan đến an toàn lao động. Tài liệu giảng dạy này được chia thành 08 bài học như sau:

Bài 01: Khái niệm cơ bản về an toàn lao động (ATLĐ) - Bảo hộ lao động (BHLĐ)

Bài 02: Nguyên nhân gây ra tai nạn lao động

Bài 03: Ảnh hưởng của vi khí hậu, bức xạ, ion hóa, bụi

Bài 04: Ảnh hưởng của tiếng ồn và rung động

Bài 05: Ảnh hưởng của điện từ trường, hóa chất độc, ánh sáng, màu sắc, gió

Bài 06: Kỹ thuật an toàn trong sửa chữa ô tô

Bài 07: Kỹ thuật an toàn điện, thiết bị nâng hạ và phòng chống cháy nổ

Bài 08: Sơ cứu nạn nhân bị tai nạn lao động

Tài liệu giảng dạy này đã được biên soạn dựa trên chương trình Tổng cục Dạy nghề và sắp xếp một cách logic từ việc nhận dạng các mối nguy đến cách phân tích rủi ro và thậm chí cả quy trình sơ cứu. Chúng tôi hy vọng rằng nó sẽ giúp bạn hiểu một cách dễ dàng và áp dụng kiến thức này vào công việc hàng ngày của bạn, để mọi người có thể làm việc trong môi trường an toàn và bảo đảm sức khỏe.

MỤC LỤC

BÀI 01: KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG (ATLĐ) – BẢO HỘ LAO ĐỘNG (BHLĐ) **1**

1. Mục đích, ý nghĩa công tác bảo hộ lao động	1
1.1. Mục đích	1
1.2. Ý nghĩa	1
2. Tính chất và nhiệm vụ của công tác BHLĐ	2
3. Những khái niệm cơ bản về BHLĐ và ATLĐ	4
3.1. Điều kiện lao động và tai nạn lao động	5
3.2. Các yếu tố nguy hiểm và có hại trong quá trình sản xuất	7
4. Công tác tổ chức bảo hộ lao động	10
4.1. Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý công tác BHLĐ trong doanh nghiệp	10
4.2. Hội đồng BHLĐ trong doanh nghiệp	10
5. Các biện pháp bảo hộ lao động bằng các văn bản pháp luật	18
5.1. Các văn bản của Chính Phủ:	20
5.2. Các văn bản của Bộ, Ngành:	21
5.3. Trích một số văn bản quy phạm pháp luật	22
5.4. Biện pháp tổ chức	25
5.5. Các biện pháp về quản lý, tổ chức lao động	26

BÀI 02: NGUYÊN NHÂN GÂY RA TAI NẠN LAO ĐỘNG **29**

1. Khái niệm điều kiện lao động	29
2. Nguyên nhân gây ra tai nạn lao động	31
2.1. Nguyên nhân kỹ thuật	32
2.2. Nguyên nhân tổ chức	34
2.3. Nguyên nhân vệ sinh	34

BÀI 03: ẢNH HƯỞNG CỦA VI KHÍ HẬU, BỨC XẠ ION HOÁ VÀ BỤI **35**

1. Khái niệm về vệ sinh lao động	35
---	-----------

2. Vi khí hậu	35
2.1. Nhiệt độ, độ ẩm tương đối và bức xạ nhiệt	35
2.2. Tác hại của vi khí hậu và các biện pháp phòng tránh	36
3. Bức xạ, ion hóa	38
4. Bụi	38
4.1. Phân loại bụi và tác hại của bụi	38
4.2. Các biện pháp phòng chống bụi	39
BÀI 04: ẢNH HƯỞNG CỦA TIẾNG ỒN VÀ RUNG ĐỘNG	41
1. Tiếng ồn	41
1.1. Các tiêu chuẩn tiếng ồn cho phép	41
1.2. Tác hại của tiếng ồn và các biện pháp phòng chống	43
2. Rung động trong sản xuất	46
2.1. Khái niệm và tiêu chuẩn cho phép rung cục bộ	46
2.2. Tác hại của rung động và các biện pháp phòng chống	48
BÀI 05: ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỆN TỪ TRƯỜNG, HÓA CHẤT ĐỘC, ÁNH SÁNG, MÀU SẮC, GIÓ	50
1. Điện từ trường	50
1.1. Ảnh hưởng của điện từ trường	50
1.2. Biện pháp phòng tránh	56
2. Hoá chất độc	57
2.1. Đặc tính chung của hóa chất độc	57
2.2. Các dạng nhiễm độc trong sản xuất cơ khí và biện pháp phòng tránh	58
3. Ánh sáng	60
3.1. Ảnh hưởng của ánh sáng	60
3.2. Các biện pháp chiếu sáng	60
4. Màu sắc	61
4.1. Ảnh hưởng của màu sắc	61
4.2. Các màu sắc thường sử dụng trong sản xuất	61
5. Gió	62
5.1. Tác dụng của gió	62

5.2. Các biện pháp thông gió	63
6. Ảnh hưởng của các điều kiện lao động khác.....	64
BÀI 06: KỸ THUẬT AN TOÀN TRONG SỬA CHỮA Ô TÔ	65
1. Khái niệm.	65
2. An toàn và vệ sinh tại xưởng ô tô.	65
2.1. Tránh tiếp xúc trực tiếp với khói xe.....	65
2.2. Khi rút dầu thải	65
3. An toàn trong quá trình hoạt động sửa chữa.....	67
3.1. Các biện pháp an toàn cho xe và người lao động khi sửa chữa ô tô.....	67
3.2. Kỹ thuật an toàn trong quy trình sửa chữa ô tô.	70
3.3. Kỹ thuật an toàn trong sử dụng dụng cụ sửa chữa ô tô.....	71
4. An toàn khi vận hành kiểm tra xe.....	75
4.1. Đủ điều kiện hành nghề lái xe	75
4.2. Nguyên tắc lấy/chuyển hàng hóa	76
4.3. Di chuyển với tốc độ cho phép	76
4.4. Một số nguyên tắc an toàn khác.....	76
4.5. Những việc không được làm.....	77
4.6. An toàn khi vận hành động cơ.	77
BÀI 07: KỸ THUẬT AN TOÀN ĐIỆN, THIẾT BỊ NÂNG HẠ VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY, NỔ	79
1. Tác dụng của dòng điện.	79
2. Nguyên nhân gây ra tai nạn điện.....	79
3. Các biện pháp an toàn điện	80
4. Kỹ thuật an toàn đối với thiết bị nâng hạ.	81
4.1. Khái niệm và nguyên nhân tai nạn.....	84
4.2. Các biện pháp an toàn.	85
5. Kỹ thuật an toàn phòng chống cháy, nổ.....	89
5.1. Điều kiện của cháy.....	89
5.2. Kỹ thuật phòng cháy.	90
5.3. Khái niệm và nguyên nhân gây cháy, nổ	92

5.4. Tác hại của cháy, nổ và biện pháp phòng chống cháy, nổ.....	93
6. Sử dụng thiết bị chữa cháy.....	94
BÀI 08: SƠ CỨU NẠN NHÂN BỊ TAI NẠN LAO ĐỘNG	101
1. Phương pháp sơ cứu nạn nhân bị tai nạn thông thường	101
1.1. Hô hấp nhân tạo/ép tim thổi ngạt	101
1.2. Nạn nhân bị đau tim.....	101
1.3. Cứu người bị tắt thở vì dị vật trong cổ	102
1.4. Cứu người chết đuối	103
1.5. Sơ cứu người bị chảy máu nhiều	104
1.6. Sơ cứu vết bỏng	105
1.7. Di chuyển những người có cân nặng lớn hơn bạn.....	105
1.8. Xử lý vết thương bị bỏng.....	106
1.9. Mất bị thương	107
2. Phương pháp sơ cứu nạn nhân bị chấn thương	107
3. Phương pháp cấp cứu nạn nhân bị điện giật.....	113
3.1. Tách nạn nhân ra khỏi mạch điện.....	113
3.2. Cứu chữa nạn nhân sau khi đã tách khỏi mạch điện:	114
3.3. Phương pháp tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện.	114
3.4. Các phương pháp hô hấp nhân tạo.....	115

BÀI 01: KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG (ATLĐ) – BẢO HỘ LAO ĐỘNG (BHLĐ)

1. Mục đích, ý nghĩa công tác bảo hộ lao động

1.1. Mục đích

- Đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh lao động, không để xảy ra tai nạn lao động.
- Cải thiện điều kiện, môi trường lao động
- Phòng chống tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho con người trong lao động
- Bồi dưỡng hồi phục kịp thời và duy trì sức khỏe, khả năng lao động.

1.2. Ý nghĩa

1.2.1. Ý nghĩa chính trị

BHLĐ thể hiện quan điểm coi con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển. Một đất nước có tỷ lệ tai nạn lao động thấp, người lao động khỏe mạnh, không mắc bệnh nghề nghiệp là một xã hội luôn luôn coi con người là vốn quý nhất, sức lao động, lực lượng lao động luôn được bảo vệ và phát triển. Công tác bảo hộ lao động làm tốt là góp phần tích cực chăm lo bảo vệ sức khỏe, tính mạng và đời sống NLĐ, biểu hiện quan điểm quần chúng, quan điểm quý trọng con người của Đảng và Nhà nước, vai trò của con người trong xã hội được tôn trọng. Ngược lại, nếu công tác BHLĐ không tốt, điều kiện lao động không được cải thiện, để xảy ra nhiều TNLĐ nghiêm trọng thì uy tín của chế độ, uy tín của doanh nghiệp sẽ bị giảm sút.

1.2.2. Ý nghĩa xã hội

BHLĐ là chăm lo đời sống, hạnh phúc của người lao động. BHLĐ là yêu cầu thiết thực của các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời là yêu cầu, là nguyện vọng chính đáng của người lao động. Các thành viên trong mỗi gia đình ai cũng mong muốn khỏe mạnh, trình độ văn hóa, nghề nghiệp được nâng cao để cùng chăm lo hạnh phúc gia đình và góp phần vào công cuộc xây dựng xã hội ngày càng phồn vinh và phát triển.

BHLĐ đảm bảo cho xã hội trong sáng, lành mạnh, mọi NLĐ khỏe mạnh, làm việc có hiệu quả và có vị trí xứng đáng trong xã hội, làm chủ xã hội, tự nhiên và khoa học kỹ thuật. Khi TNLĐ không xảy ra thì Nhà nước và xã hội sẽ giảm bớt được những tổn thất trong việc khắc phục hậu quả và tập trung đầu tư cho các công trình phúc lợi xã hội.

1.2.3. Ý nghĩa kinh tế

Bài 01: Khái niệm cơ bản về an toàn lao động (ATLĐ)– bảo hộ lao động (BHLĐ)

Thực hiện tốt công tác BHLĐ sẽ đem lại lợi ích kinh tế rõ rệt. Trong lao động sản xuất nếu NLĐ được bảo vệ tốt, ĐKLD thoải mái, thì sẽ an tâm, phấn khởi sản xuất, phấn đấu để có ngày công, giờ công cao, phấn đấu tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất. Do vậy phúc lợi tập thể được tăng lên, có thêm điều kiện cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của cá nhân NLĐ và tập thể lao động. Chi phí bồi thường tai nạn là rất lớn đồng thời kéo theo chi phí lớn cho sửa chữa máy móc, nhà xưởng, nguyên vật liệu...

Tóm lại an toàn là để sản xuất, an toàn là hạnh phúc của NLĐ, là điều kiện đảm bảo cho sản xuất phát triển và đem lại hiệu quả kinh tế cao.

2. Tính chất và nhiệm vụ của công tác BHLĐ

2.1 Tính chất

2.1.1. Tính chất pháp luật

Tất cả những chế độ, chính sách, quy phạm, tiêu chuẩn của nhà nước về bảo hộ lao động đã ban hành đều mang tính pháp luật. Pháp luật về BHLĐ được nghiên cứu, xây dựng nhằm bảo vệ con người trong sản xuất, nó là cơ sở pháp lý bắt buộc các tổ chức nhà nước, các tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế và mọi người tham gia lao động phải có trách nhiệm nghiêm chỉnh thực hiện.

2.1.2. Tính chất khoa học – kỹ thuật

Mọi hoạt động trong công tác BHLĐ từ điều tra, khảo sát ĐKLD, phân tích đánh giá các nguy hiểm, độc hại và ảnh hưởng của chúng đến ATVSLĐ cho đến việc đề xuất và thực hiện các giải pháp phòng ngừa, xử lý khắc phục đều phải vận dụng các kiến thức lý thuyết, thực tiễn trong các lĩnh vực KHKT chuyên ngành hoặc nhiều chuyên ngành.

Ví dụ: Muốn chống tiếng ồn phải có kiến thức về âm học, muốn cải thiện ĐKLD, nặng nhọc và vệ sinh trong một số ngành nghề phải hiểu và giải quyết nhiều vấn đề tổng hợp phức tạp liên quan đến kiến thức khoa học nhiều lĩnh vực như thông gió, chiếu sáng, cơ khí hóa, tâm sinh lý học lao động... đồng thời với nền sản xuất công nghiệp hóa, hiện đại hóa, NLĐ phải có kiến thức chuyên môn kỹ thuật để sản xuất, muốn sản xuất có hiệu quả và bảo vệ được tính mạng, sức khỏe, an toàn cho bản thân, thì phải hiểu biết kỹ về công tác BHLĐ. Như vậy công tác BHLĐ phải đi trước một bước.

2.1.3. Tính chất quần chúng

Tính quần chúng thể hiện ở hai mặt:

Một là, BHLĐ liên quan đến tất cả mọi người tham gia sản xuất, họ là người vận hành, sử dụng các dụng cụ, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu nên có thể phát hiện được những

thiếu sót trong công tác BHLĐ, đóng góp xây dựng các biện pháp ngăn ngừa, đóng góp xây dựng hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy phạm ATVSLĐ.

Hai là, dù cho các chế độ chính sách, tiêu chuẩn quy phạm về BHLĐ có đầy đủ đến đâu, nhưng mọi người (từ lãnh đạo, quản lý, người sử dụng lao động đến NLĐ) chưa thấy rõ lợi ích thiết thực, chưa tự giác chấp hành thì công tác BHLĐ cũng không thể đạt được kết quả mong muốn.

2.2. Nhiệm vụ

Tuyên truyền và giáo dục cán bộ, công nhân về BHLĐ:

- Thường xuyên giáo dục công nhân, cán bộ về chính sách chế độ và thể lệ BHLĐ của Đảng và Chính phủ, làm cho mọi người tự giác, nghiêm chỉnh chấp hành; đấu tranh chống những hiện tượng làm bừa, làm ẩu, vi phạm quy phạm, quy trình về kỹ thuật an toàn;

- Tổ chức việc phổ biến trong công nhân, cán bộ những kiến thức KHKT về BHLĐ.

- Đôn đốc và phối hợp với giám đốc xí nghiệp tổ chức việc huấn luyện cho mọi người nắm vững các phương pháp làm việc an toàn.

Tổ chức hướng dẫn công nhân, đặc biệt là các an toàn viên trong các tổ sản xuất phát hiện kịp thời những hiện tượng thiếu VSAT trong sản xuất, đồng thời vận động mọi người phát huy sáng kiến cải tiến thiết bị, máy móc, nhằm cải thiện điều kiện làm việc, giảm nhẹ sức lao động, chú trọng những khâu sản xuất vất vả, nặng nhọc, nguy hiểm hoặc có độc hại đến sức khỏe.

Tổ chức lấy ý kiến công nhân tham gia xây dựng kế hoạch BHLĐ và ký kết hợp đồng tập thể, đồng thời theo dõi, đôn đốc và giúp đỡ giám đốc xí nghiệp tổ chức thực hiện hàng tháng, hàng quý những công việc đã đề ra trong kế hoạch, trong hợp đồng.

Cùng giám đốc xí nghiệp bàn bạc việc sử dụng 20% quỹ xí nghiệp dành cho việc bổ sung, cải tiến thiết bị an toàn theo chế độ Nhà nước đã quy định.

Theo dõi, đôn đốc việc cấp phát các trang bị phòng hộ được kịp thời, đúng chế độ, đúng tiêu chuẩn và giáo dục công nhân sử dụng, bảo quản tốt. Thường xuyên tập hợp và nghiên cứu ý kiến của công nhân về tiêu chuẩn, quy cách mẫu mực để đề nghị công đoàn cấp trên và các cơ quan Nhà nước bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

Theo dõi, bàn bạc và giúp đỡ giám đốc xí nghiệp thi hành đúng đắn các chế độ về giờ làm, ngày nghỉ, hội họp, học tập, chế độ bảo vệ nữ công nhân v.v...

Bài 01: Khái niệm cơ bản về an toàn lao động (ATLĐ)– bảo hộ lao động (BHLĐ)

Phối hợp với giám đốc xí nghiệp lập danh sách các ngành, nghề có độc, hại đến sức khỏe công nhân cần được bồi dưỡng bằng hiện vật để đề nghị lên trên xét duyệt, đồng thời giúp đỡ giám đốc tổ chức thực hiện việc bồi dưỡng cho tốt.

Theo dõi đơn đốc việc tổ chức kiểm tra sức khỏe của công nhân theo chế độ hiện hành. Phát hiện những trường hợp sử dụng công nhân không đủ điều kiện sức khỏe cần thiết vào những công việc nguy hiểm, có độc hại để đề nghị thay thế.

Theo dõi thường xuyên tình hình TNLĐ và tham dự điều tra các vụ tai nạn, các vụ hư hỏng máy móc xảy ra trong xí nghiệp, đề xuất với giám đốc xí nghiệp biện pháp khắc phục góp ý kiến với cơ quan có trách nhiệm về việc xử lý những người có lỗi để xảy ra TNLĐ.

Phối hợp với giám đốc xí nghiệp đẩy mạnh việc tự kiểm tra về BHLĐ của xí nghiệp.

3. Những khái niệm cơ bản về BHLĐ và ATLĐ.

+ BHLĐ là tổng hợp tất cả các hoạt động trên các mặt luật pháp, tổ chức, hành chính, kinh tế, xã hội, KHKT... nhằm mục đích cải thiện ĐKLĐ, ngăn ngừa TNLĐ, đảm bảo an toàn sức khỏe cho NLĐ.

+ BHLĐ là tổng hợp tất cả các hoạt động trên các mặt luật pháp, tổ chức, hành chính, kinh tế, xã hội, KHKT... nhằm mục đích cải thiện ĐKLĐ, ngăn ngừa TNLĐ, đảm bảo an toàn sức khỏe cho NLĐ.

+ BHLĐ là một môn khoa học về an toàn và VSLĐ, an toàn phòng chống cháy nổ (tức là các mặt về an toàn và vệ sinh môi trường lao động). Cụ thể, BHLĐ nghiên cứu nguyên nhân và tìm các giải pháp phòng ngừa: TNLĐ, BNN, các yếu tố gây độc hại trong lao động, sự cố cháy nổ trong sản xuất; đồng thời tìm giải pháp bảo đảm sức khỏe và an toàn tính mạng cho NLĐ.

BHLĐ được trang bị đầy đủ

Nội dung chủ yếu của BHLĐ là ATLĐ, VSLĐ. Bởi vậy, trong nhiều trường hợp người ta dùng cụm từ "an toàn và vệ sinh lao động" để chỉ công tác BHLĐ. Trong trường hợp nói đến BHLĐ, chúng ta hiểu đó là bao gồm cả ATLĐ, VSLĐ và cả những vấn đề về chính sách đối với NLĐ như: vấn đề lao động và nghỉ ngơi, vấn đề lao động nữ, vấn đề bồi dưỡng độc hại.

Bảo hộ lao động gồm 4 phần:

- Pháp luật BHLĐ
- Vệ sinh lao động

- Kỹ thuật an toàn (Tiếng Anh: Safety engineering)
- Kỹ thuật phòng chống cháy nổ (Tiếng Anh: Fire Safety)

3.1. Điều kiện lao động và tai nạn lao động

3.1.1. Khái niệm

ĐKLĐ là tổng thể các yếu tố kỹ thuật, tổ chức lao động, kinh tế, xã hội, tự nhiên, môi trường và văn hoá xung quanh con người nơi làm việc. ĐKLĐ thể hiện qua quá trình công nghệ, công cụ lao động, đối tượng lao động, năng lực của NLĐ và sự tác động qua lại giữa các yếu tố trên tạo nên điều kiện làm việc của con người trong quá trình lao động sản xuất.

Như vậy các quá trình lao động khác nhau sẽ tạo nên môi trường lao động rất khác nhau, và do đó mức độ tác động của chúng đến NLĐ cũng sẽ khác nhau. Tuy nhiên, cùng một quá trình lao động như nhau, nhưng do được tổ chức hợp lý và tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường, vệ sinh xây dựng, các tiêu chuẩn tổ chức nơi làm việc, hoặc thực hiện các giải pháp cải thiện ... nên những tác động có hại của các yếu tố trên tới sức khoẻ của NLĐ có thể hạn chế được rất nhiều.

3.1.2. Các yếu tố điều kiện lao động

Các yếu tố kỹ thuật, tổ chức lao động, kinh tế, xã hội, tự nhiên, văn hóa.

Các yếu tố kỹ thuật, tổ chức lao động: máy, thiết bị, công cụ, nhà xưởng, năng lượng, nguyên nhiên vật liệu, đối tượng lao động, NSDLĐ.

Các yếu tố liên quan đến lao động: các yếu tố tự nhiên có liên quan đến nơi làm việc, các yếu tố kinh tế, xã hội, quan hệ, đời sống hoàn cảnh gia đình liên quan đến người lao động, quan hệ đồng nghiệp - đồng nghiệp, quan hệ của cấp dưới với cấp trên, chế độ thưởng - phạt, sự hài lòng với công việc...

Tính chất của quá trình lao động: lao động thể lực hay trí óc, lao động thủ công, cơ giới, tự động...

Các yếu tố về tổ chức bố trí lao động: bố trí vị trí lao động, phương pháp hoạt động, thao tác, chế độ lao động nghỉ ngơi, chế độ ca kíp, thời gian lao động...

Các yếu tố tâm sinh lý lao động và Ecgonômi

Yếu tố tâm - sinh lý: gánh nặng thể lực, căng thẳng thần kinh - tâm lý,...

Bài 01: Khái niệm cơ bản về an toàn lao động (ATLĐ)– bảo hộ lao động (BHLĐ)

Đặc điểm của lao động: cường độ lao động, chế độ lao động, tư thế lao động không thuận lợi và đơn điệu trong lao động không phù hợp với hoạt động tâm sinh lý bình thường và nhân trắc của cơ thể NLD trong lao động...

Do yêu cầu của công nghệ và tổ chức lao động mà NLD có thể phải lao động ở cường độ lao động quá mức theo ca, kíp, tư thế làm việc gò bó trong thời gian dài, ngửa người, vẹo người, treo người trên cao, mang vác nặng, động tác lao động đơn điệu buồn tẻ...hoặc với trách nhiệm cao gây căng thẳng về thần kinh tâm lý.

ĐKLĐ trên gây nên những hạn chế cho hoạt động bình thường, gây trì trệ phát triển, gây hiện tượng tâm lý mệt mỏi, chán nản dẫn tới những biến đổi ức chế thần kinh. Cuối cùng gây bệnh tâm lý mệt mỏi uể oải, suy nhược thần kinh, đau mỏi cơ xương, làm giảm năng suất và chất lượng lao động, có khi dẫn đến TNLD.

Điều kiện hưởng chế độ TNLD

NLD tham gia bảo hiểm TNLD, bệnh nghề nghiệp được hưởng chế độ tai nạn lao động khi có đủ các điều kiện sau đây:

Thứ nhất, bị tai nạn thuộc một trong các trường hợp sau:

- Tại nơi làm việc và trong giờ làm việc, kể cả khi đang thực hiện các nhu cầu sinh hoạt cần thiết tại nơi làm việc hoặc trong giờ làm việc như nghỉ giải lao, ăn giữa ca...

- Ngoài nơi làm việc hoặc ngoài giờ làm việc khi thực hiện công việc theo yêu cầu của NSDLĐ...

- Trên tuyến đường đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về nơi ở trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý;

Thứ hai, suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị tai nạn thuộc 03 trường hợp trên.

Như vậy, tai nạn giao thông có thể được hưởng chế độ TNLD nếu xảy ra trong 03 trường hợp nêu trên.

Tuy nhiên NLD sẽ không được hưởng chế độ TNLD khi xảy ra tai nạn thuộc một trong các trường hợp sau:

- Tai nạn do mâu thuẫn của chính nạn nhân với người gây ra tai nạn mà không liên quan đến việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động;

- Tai nạn do NLD cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân;

- Tai nạn do say rượu, bia hoặc sử dụng chất ma túy, tiền chất ma túy.

3.2. Các yếu tố nguy hiểm và có hại trong quá trình sản xuất

3.2.1. Vi khí hậu

Ảnh hưởng của vi khí hậu nóng

Ảnh hưởng đến hệ thống thần kinh trung ương: NLĐ bị biến đổi chức phận sinh lí hệ thống thần kinh trung ương gây cảm giác mệt mỏi, giảm trí nhớ, kém nhạy cảm, nhức đầu chóng mặt buồn nôn... Đồng thời còn bị rối loạn chuyển hoá nước, muối khoáng do cơ thể phải tăng tiết mồ hôi để cân bằng nhiệt. Sau ca lao động, mỗi người bài tiết từ 2 đến 5 lít mồ hôi, ảnh hưởng đến cơ quan tuần hoàn và tiêu hoá có thể dẫn đến rối loạn chức năng thận và bài tiết dịch vị dạ dày ...

NLĐ có thể chuyển sang trạng thái bệnh lý như say nóng, say nắng dẫn đến tử vong.

Ảnh hưởng của vi khí hậu lạnh

Khi nhiệt độ môi trường làm việc dưới 18 °C, độ ẩm cao, tốc độ gió lớn dẫn đến giảm nhiệt độ cơ thể NLĐ, rối loạn thần kinh trung ương, gây co mạch, cảm lạnh, viêm tắc tĩnh mạch, thấp khớp, viêm phế quản, viêm phổi, viêm loét dạ dày.

Ảnh hưởng của ánh sáng không phù hợp

– Khi NLĐ làm việc ở môi trường có độ chiếu sáng thấp lâu dài sẽ gây mệt mỏi, đau đầu, giảm thị lực dẫn đến cận thị, có thể loạn thị, thao tác không chính xác, giảm năng suất lao động, dễ gây TNLĐ, giảm tuổi thọ nghề nghiệp của NLĐ.

– Khi NLĐ làm việc môi trường có độ chiếu sáng quá cao cũng gây ảnh hưởng đến mắt như chói mắt, tổn thương võng mạc, tiếp xúc lâu có thể bị đục nhân mắt.

- Tác hại của bụi

- Các bệnh đường hô hấp

+ Các bệnh bụi phổi: bệnh bụi phổi-silic, bụi phổi-bông, bụi phổi-amiăng....

+ Ung thư: do asen và hợp chất của asen, cromat, chất phóng xạ, sợi amiăng..

+ Bệnh nhiễm độc hệ thống: mangan, chì, cadimi và các hợp chất.

+ Dị ứng và những đáp ứng nhạy cảm khác: Nhiều bụi thực vật như bụi bã mía, bông, bột gạo, đay, rom, chè, thuốc lá, gỗ là những chất có thể gây dị ứng do hít phải, có thể gây hen, sốt rôm hoặc ban mề đay.

Ngoài ra một số loại bụi có thể gây nhiễm khuẩn: Các hạt chứa nấm, virus hoặc các mầm bệnh vi khuẩn.

Bài 01: Khái niệm cơ bản về an toàn lao động (ATLĐ)– bảo hộ lao động (BHLĐ)

Những tác hại ngoài đường hô hấp

+ Tồn thương ở da và niêm mạc:

– Bệnh viêm da, niêm mạc, dị ứng, ung thư da.

+ Những hậu quả sau khi vào qua da, dạ dày-ruột: nhiễm độc.

3.2.2. Tác hại của tiếng ồn

– Ảnh hưởng đặc trưng: ảnh hưởng lên cơ quan thính giác. Tiếp xúc liên tục với tiếng ồn cao đầu tiên sẽ mệt mỏi thính giác rồi đến giảm dần thính lực, cuối cùng là giảm toàn phần thính lực gây bệnh “Điếc nghề nghiệp”.

– Các ảnh hưởng khác: Ảnh hưởng tới hệ thần kinh gây mệt mỏi, suy nhược thần kinh, ức chế tiêu hoá, rối loạn chức năng hệ tim mạch. Làm nặng thêm một số bệnh khác, giảm năng suất lao động và tăng tỷ lệ TNLĐ.

3.2.3. Các loại bệnh lý do rung chuyển gây ra

– Bệnh rung chuyển nghề nghiệp: rung cục bộ có tần số cao.

– Bệnh có tính chất nghề nghiệp: ảnh hưởng do rung toàn thân tần số thấp cộng hưởng với cơ quan nội tạng và cột sống gây ra. Tiếp xúc ít ở giai đoạn nhẹ các biến đổi có thể hồi phục.

3.2.4. Tác hại của phóng xạ

Tác hại của bức xạ ion hoá đối với cơ thể phụ thuộc vào các yếu tố: liều lượng, thời gian, cách thức chiếu xạ; phụ thuộc vào các tính chất và loại tia bức xạ; phụ thuộc trạng thái cơ thể và tính cảm thụ của cá nhân, tế bào.

– Bệnh phóng xạ cấp tính: bệnh xảy ra khi bị chiếu toàn thân một liều lớn hoặc nhiều liều liên tiếp do các vụ nổ hạt nhân, tai nạn lò phản ứng, mất an toàn trong khi quản lý và sử dụng nguồn phóng xạ trong công nghiệp, điều trị phóng xạ quá liều. Bệnh chia làm 4 giai đoạn nhưng nếu nặng sẽ bị tử vong ở giai đoạn 3. Giai đoạn 4 là thời kỳ hồi phục các rối loạn chức năng.

– Bệnh phóng xạ mãn tính: bệnh có thể xuất hiện khi bị chiếu xạ một lần với liều cao hay bị chiếu liều nhỏ, nhiều lần, kéo dài. Bệnh xảy ra qua 3 giai đoạn và có khi để lại các biến chứng rất nguy hiểm đối với máu và cơ quan tạo máu, cơ quan sinh dục, ung thư... Ngoài ra, bức xạ ion hoá còn gây các tổn thương mạn tính khác như đục nhân mắt, viêm da, viêm xương...Chất phóng xạ xâm nhập vào cơ thể tập trung ở cơ quan hoặc tổ chức nào sẽ gây biến đổi bệnh lý tương ứng.

3.2.5. Ảnh hưởng hóa chất độc

– Hoá chất độc có thể xâm nhập vào cơ thể qua đường hô hấp, qua da và đường tiêu hoá. Hoá chất độc cũng được đào thải qua đường tiết niệu, mồ hôi.

– Theo công ước của Tổ chức lao động quốc tế (ILO) năm 1990 đã phân loại độc tính như sau:

- + Độc tính của hoá chất đối với cơ thể;
- + Các tính chất hoá, lí kể cả phản ứng oxi hoá, tính cháy nổ;
- + Tính chất ăn mòn;
- + Tính gây mẫn cảm, dị ứng;
- + Gây quái thai và biến đổi gen;
- + Gây ảnh hưởng đến hệ sinh sản.

– Khi NLĐ tiếp xúc với hoá chất có thể bị nhiễm độc cấp tính mãn tính tùy thuộc vào nồng độ của hoá chất độc trong môi trường sản xuất.

– Nhiễm độc cấp tính khi NLĐ tiếp xúc với hoá chất có nồng độ cao vượt ngưỡng TCVS cho phép nhiều lần trong thời gian ngắn, gây bỏng hóa chất, ngạt thở, tử vong.

– Nhiễm độc mãn tính: Trong tổng số 21 bệnh nghề nghiệp đang được bảo hiểm xã hội đã có tới 12 bệnh nghề nghiệp liên quan đến nhiễm độc hóa chất mãn tính như: nhiễm độc thủy ngân và các hợp chất thủy ngân, nhiễm độc TNT, nhiễm độc Asen và các hợp chất Asen vô cơ, nhiễm độc nghề nghiệp do chì và các hợp chất của chì... Nhiễm độc hóa chất mãn tính gây tổn thương toàn thân hoặc từng bộ phận chức năng cơ thể như thần kinh, gan, thận, da, hô hấp ...

– Hoá chất độc ảnh hưởng đến thai nhi nếu người mẹ trong quá trình mang thai hoặc cho con bú vẫn tiếp xúc với hóa chất.

– Ngoài ra, hoá chất độc còn làm biến đổi gen gây ung thư cho bản thân NLĐ và cả thế hệ sau.

3.2.6. Các vi sinh vật gây bệnh

Các vi sinh vật gây bệnh có thể gây bệnh cấp và mãn tính cho NLĐ. Họ là những người làm việc trong môi trường lao động có nguy cơ lây nhiễm bệnh từ súc vật mang bệnh, từ bệnh nhân mắc các bệnh truyền nhiễm như bệnh Lao, AIDS, SARS hoặc do

muỗi đốt truyền bệnh sốt rét,... Hiện nay, ở nước ta mới có 3 bệnh nghề nghiệp do vi sinh vật gây hại cho NLĐ được bảo hiểm xã hội là: Bệnh Lao nghề nghiệp, bệnh viêm gan do virus và bệnh Leptospira nghề nghiệp .

4. Công tác tổ chức bảo hộ lao động

4.1. Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý công tác BHLĐ trong doanh nghiệp

BHLĐ trong doanh nghiệp là một công tác bao gồm nhiều nội dung phức tạp, nó có liên quan đến nhiều bộ phận, phòng ban, cá nhân và phụ thuộc vào đặc điểm của doanh nghiệp. Thực hiện tốt là góp phần giảm TNLĐ, giảm chi phí phúc lợi xã hội, nâng cao năng suất lao động và chất lượng cuộc sống của NLĐ.

Mỗi doanh nghiệp có thể chọn một mô hình bộ máy tổ chức quản lý công tác BHLĐ có những nét riêng phù hợp với đặc điểm của mình, tuy nhiên phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Phát huy được sức mạnh tập thể của toàn doanh nghiệp đối với công tác BHLĐ.
- Thể hiện rõ trách nhiệm chính và trách nhiệm phối hợp của các bộ phận phòng ban, cân cân đối với từng nội dung cụ thể của công tác BHLĐ, phù hợp với chức năng của mình.
- Bảo đảm sự chỉ đạo tập trung thống nhất và có hiệu quả của giám đốc trong công tác này và phù hợp với quy định của pháp luật.

4.2. Hội đồng BHLĐ trong doanh nghiệp

Cơ sở pháp lý và ý nghĩa của hội đồng BHLĐ trong doanh nghiệp

Hội đồng BHLĐ được thành lập theo quy định của Thông tư liên tịch số 14 giữa bộ LĐTBXH, Bộ Y tế và Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam ngày 31/10/1998.

Hội đồng BHLĐ do Giám đốc doanh nghiệp quyết định thành lập.

Hội đồng BHLĐ là tổ chức phối hợp giữa NSDLĐ và Công đoàn doanh nghiệp nhằm tư vấn cho NSDLĐ về các hoạt động BHLĐ ở doanh nghiệp, qua đó đảm bảo quyền tham gia và quyền kiểm tra giám sát về BHLĐ của công đoàn.

Thành phần hội đồng

1. Chủ tịch HĐ - đại diện có thẩm quyền của NSDLĐ (thường là Phó Giám đốc kỹ thuật).
2. Phó chủ tịch HĐ - đại diện của Công đoàn doanh nghiệp (thường là Chủ tịch hoặc phó chủ tịch Công đoàn doanh nghiệp).

3. Ủy viên thường trực kiêm thư ký hội đồng (là trưởng bộ phận BHLĐ của doanh nghiệp hoặc cán bộ phụ trách công tác BHLĐ của doanh nghiệp).

Ngoài ra đối với các doanh nghiệp lớn, công nghệ phức tạp, có nhiều vấn đề về ATVSLĐ có thể có thêm các thành viên đại diện phòng kỹ thuật, y tế,...

Nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng

- Tham gia ý kiến và tư vấn với NSDLĐ về những vấn đề BHLĐ trong DN.
- Phối hợp với các bộ phận có liên quan trong việc xây dựng các văn bản về quy chế quản lý, chương trình, kế hoạch BHLĐ của doanh nghiệp.
- Định kỳ 6 tháng, hàng năm tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện công tác BHLĐ ở các phân xưởng sản xuất.
- Yêu cầu người quản lý sản xuất thực hiện các biện pháp loại trừ các nguy cơ mất an toàn trong sản xuất.

Trách nhiệm quản lý công tác BHLĐ trong khối trực tiếp sản xuất.

Quản đốc phân xưởng hoặc chức vụ tương đương

Quản đốc phân xưởng là người chịu trách nhiệm trước giám đốc DN về công tác BHLĐ tại phân xưởng.

Trách nhiệm

- Tổ chức huấn luyện, kèm cặp, hướng dẫn đối với lao động mới tuyển dụng hoặc mới chuyển đến làm việc tại phân xưởng về ATVSLĐ khi giao việc cho họ.
- Bố trí NLĐ làm việc đúng nghề được đào tạo, đã được huấn luyện và đã qua sát hạch kiến thức ATVSLĐ đạt yêu cầu.
- Thực hiện và kiểm tra đôn đốc các tổ trưởng sản xuất và mọi người thực hiện tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình, biện pháp làm việc an toàn và các quy định về BHLĐ.
- Tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung kế hoạch BHLĐ, xử lý kịp thời các thiếu sót được phát hiện qua kiểm tra, qua các kiến nghị của các tổ sản xuất, các đoàn thanh tra, kiểm tra có liên quan đến trách nhiệm của phân xưởng và báo cáo với cấp trên những vấn đề ngoài khả năng giải quyết của phân xưởng.
- Thực hiện khai báo, điều tra tai nạn lao động xảy ra trong phân xưởng theo quy định của nhà nước và phân cấp của doanh nghiệp.